

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý
- Ông Trương Ngọc Diệp

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Phương Huỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Quốc V**, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: **Số A T, Tổ B, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: **Thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**; địa chỉ liên hệ: **Số F hẻm F đường V, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản (hợp đồng) uỷ quyền ngày 06/3/2024). Có mặt

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: **Số A T, Tổ B, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông **Đỗ Quốc V** và bà **Nguyễn Thị Thúy H** đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2020/QĐST-VDS, ngày 30/01/2020. Tại quyết định nêu trên về con chung ông **V** và bà **H** đã thỏa thuận giao con chung là **Đỗ Ngọc V1**, sinh ngày 10/11/2018 cho bà **H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, từ sau khi ly hôn đến nay bà **H** không nuôi dưỡng con chung mà để cho ông **V** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà **Nguyễn Thị Thúy H** có đăng ký thường trú tại địa chỉ **số A T, Tổ B, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Tuy nhiên, từ sau khi ly hôn thì bà **H** thường hay vắng nhà, bỏ con lại cho ông **V** nuôi dưỡng, thỉnh thoảng mới về thăm con rồi đi.

Mặc dù Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2020/QĐST-VDS, ngày 30/01/2020, đã quyết định giao con chung **Đỗ Ngọc V1**, sinh ngày 10/11/2018 cho bà **H** nuôi dưỡng nhưng bà **H** không nuôi con. Vì vậy, nay ông **V** khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Yêu cầu giao con chung **Đỗ Ngọc V1**, sinh ngày 10/11/2018 cho ông **V** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông **V** không yêu cầu bà **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay ông **V** làm kinh doanh tự do thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Bà **H** làm công việc gì, thu nhập như thế nào ông **V** không rõ.

*Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Căn cước công dân của ông **Đỗ Quốc V** (bản sao); Quyết định công nhận thuận tình ly hôn (bản sao); Trích lục khai sinh của **Đỗ Ngọc V1** (bản sao); Hợp đồng uỷ quyền (bản chính).*

2. Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện ông **Đỗ Quốc V** nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà **Nguyễn Thị Thúy H**.

*Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy H** không giao nộp tài liệu chứng cứ.*

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy H** vắng mặt không có lý do.
- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:
- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đỗ Quốc V** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy H** về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 12 tháng 12 năm 2023, ông **Đỗ Quốc V** có đơn khởi kiện tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với bà **Nguyễn Thị Thúy H**. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ông **Đỗ Quốc V** khởi kiện về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với bà **Nguyễn Thị Thúy H**, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy H** có địa chỉ cư trú tại **phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy H** vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 36/2020/QĐST-VDS, ngày 30/01/2020 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thì con chung là **Đỗ Ngọc V1**, sinh ngày 10/11/2018 giao cho bà **Nguyễn Thị Thúy H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **H** và ông **V** tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.2]. Tuy nhiên sau khi ly hôn, bà **H** không trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập tốt nhất cho con. Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương ngày 11/6/2024 và ngày 02/7/2024, thể hiện bà **H** không sinh sống tại địa phương, con chung là **Đỗ Ngọc V1**, sinh ngày 10/11/2018 đang do ông **V** trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập, thông báo nhiều lần để làm việc, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **H** đều vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có văn bản trình bày về nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hiện nay, ông **V** đang là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và có công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao con chung là **Đỗ Ngọc V1**, sinh ngày 10/11/2018 cho ông **Đỗ Quốc V** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Căn cứ quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông **Đỗ Quốc V** là có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Đỗ Quốc V** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn ông **Đỗ Quốc V** được chấp nhận nên bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy H** phải chịu 300.000 đồng.

[5]. Về chi phí khác (chi phí về thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự): Nguyên đơn ông **Đỗ Quốc V** phải chịu số tiền 3.056.000 đồng (ba triệu không năm năm mươi sáu nghìn) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Tòa án. Ông **Đỗ Quốc V** đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 180, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;;

- Căn cứ các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đỗ Quốc V** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy H** về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” .

Giao con chung là **Đỗ Ngọc V1**, sinh ngày 10/11/2018 cho ông **Đỗ Quốc V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **Nguyễn Thị Thúy H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà **Nguyễn Thị Thúy H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà **Nguyễn Thị Thúy H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông **Đỗ Quốc V** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0002348, ngày 05/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Về chi phí khác (chi phí về thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự): Nguyên đơn ông **Đỗ Quốc V** phải chịu số tiền 3.056.000 đồng (ba triệu không năm năm mươi sáu nghìn) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Tòa án. Ông **Đỗ Quốc V** đã nộp xong.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

